

## **KHUNG CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 115a/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 01 năm 2020 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y dược, Đại học Huế)*

### **A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt): Hộ sinh
2. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh): Midwifery
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Mã ngành đào tạo: 7720302
5. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã dự thi xong kỳ thi THPT quốc gia: có kết quả thi và giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc tương đương)
6. Thời gian đào tạo: 4 năm
7. Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
8. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu: 132 (chưa tính GDTC, GDQP)
9. Thang điểm: Thang điểm 4 (tín chỉ)
10. Điều kiện tốt nghiệp: Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4); Có chứng chỉ GDQP, GDTC, NNKC
11. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân hộ sinh
12. Vị trí làm việc: Đảm nhiệm được các vị trí công tác của cử nhân hộ sinh trình độ đại học tại các cơ sở y tế, tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về y dược và các viện, trung tâm nghiên cứu.
13. Khả năng nâng cao trình độ: Hệ thực hành (Hộ sinh chuyên khoa cấp I, cấp II), hệ nghiên cứu (Thạc sỹ, Tiến sỹ)
14. Chương trình chuẩn tham khảo: Chương trình ngành Hộ sinh Đại học Điều dưỡng Nam Định, Chương trình ngành Hộ sinh Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

### **B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **I. Mục tiêu đào tạo**

##### **1. Mục tiêu chung**

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên ngành hộ sinh có thể hiểu và giải thích được mối liên quan giữa xã hội, văn hóa, sức khỏe cộng đồng trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh; có kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ: trước khi mang thai, trong thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ và sinh đẻ và trong thời gian hậu sản; có kiến thức, kỹ năng chăm sóc và tư vấn cho phụ nữ thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức
  - Có kiến thức chung trong toàn Đại học Huế về Giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.
  - Có kiến thức nền tảng của khối kiến thức giáo dục Chuyên nghiệp về khoa học cơ bản, y học cơ sở, tâm lý y học- đạo đức y học, Pháp luật – Tổ chức y tế, sức khỏe môi trường để có thể ứng dụng trong chuyên ngành Hộ sinh.
  - Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Kỹ năng
  - Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.
  - Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.
  - Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.
  - Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm
  - Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của phụ nữ, đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp.
  - Có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp về các quyết định thực hành lâm sàng cũng như những kết quả có liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp của mình.
  - Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ và gia đình họ.

## II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu

### 1. Chuẩn đầu ra :

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
<b>1</b>	<b>Kiến thức</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế</b>	
1.1.1	Kiến thức về giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lenin, Kinh tế chính trị Mác-Leenin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp	III
1.1.2	Kiến thức về Quốc phòng – An ninh: có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	III
1.1.3	Kiến thức về giáo dục thể chất: Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.	III

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
1.1.4	Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế	III
1.1.5	Kiến thức về Công nghệ thông tin: Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.	III
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo</b>	
1.2.1	Kiến thức về thống kê, tin học	III
1.2.2	Kiến thức về vật lý-lý sinh, hóa học	III
1.2.3	Kiến thức về sinh học, di truyền	III
1.2.4	Kiến thức về tiếng anh chuyên ngành	III
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức chung cho nhóm ngành</b>	
1.3.1	Kiến thức về y học cơ sở	III
1.3.2	Kiến thức về y tế công cộng	III
1.3.3.	Kiến thức về điều dưỡng cơ sở	III
1.3.4	Kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn	III
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức ngành/ chuyên ngành và bổ trợ</b>	
1.4.1	Có kiến thức trong lĩnh vực quản lý hộ sinh, đánh giá và phát triển nghề nghiệp	<u>III</u>
1.4.2	Có kiến thức trong lĩnh vực sản khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng, đạo đức nghề nghiệp tư vấn, chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa cộng đồng	III
1.4.3	Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai và kế hoạch hóa gia đình	III
1.4.4	Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén	III
1.4.5	Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ	III
1.4.6	Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ	III
1.4.7	Có kiến thức trong chăm sóc trẻ thời kỳ sơ sinh	III
1.4.8	Có kiến thức trong chăm sóc phụ nữ phá thai	III
1.4.9.	Có kiến thức cơ bản trong nghiên cứu khoa học trong quá trình thực hành chuyên môn	III
1.4.10.	Có kiến thức trong lĩnh vực giao tiếp, cộng tác hiệu quả với đồng nghiệp và bệnh nhân, gia đình bệnh nhân trong phạm vi thực hành nghề nghiệp	III

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	
1.5.1	Kiến thức về thực tập nghề nghiệp	III
1.5.2	Kiến thức về thực tập cuối khóa	III
<b>2</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1	Có khả năng tự lập luận tư duy giải quyết vấn đề trong công việc hàng ngày và trong những tình huống nguy cơ khi thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em theo các chuẩn năng lực Bộ y tế quy định	IV
2.1.2	Khả năng giải quyết vấn đề phù hợp với nhu cầu cá nhân, các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng	IV
2.1.3.	Khả năng lập luận, giải quyết vấn đề tuân thủ theo quy định của luật pháp, và các hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em trong và ngoài thời kỳ thai nghén	IV
2.1.4	Thực hiện được công việc hiệu quả, phù hợp với nguồn lực địa phương	
<b>2.2</b>	<b>Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</b>	
2.2.1	Có khả năng phát triển bản thân liên tục thông qua tự học và phản hồi	III
2.2.2	Có khả năng tư duy một cách khoa học, hiểu và thực hiện các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực hộ sinh	III
2.2.3	Có khả năng diễn giải các thông tin từ bảng dữ liệu khoa học và biết cách phân tích, thiết kế các nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên môn	III
2.3.4.	Có khả năng viết một biên bản chuyên môn một cách chuyên nghiệp	III
<b>2.3</b>	<b>Kỹ năng tư duy hệ thống</b>	
2.3.1	Tích hợp được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để có thể ứng dụng trong thực hành chuyên môn	IV
2.3.2	Xác định được mối liên hệ chuyên ngành với hệ thống các ngành y học khác để có thể phối hợp các chuyên khoa trong xử trí một số vấn đề bất thường của bà mẹ trong thời kỳ mang thai theo đúng quy định và nguồn lực địa phương	IV
2.3.3.	Thực hiện được chẩn đoán, can thiệp sớm hoặc chuyển tuyến đúng lúc, phù hợp phân tuyến kỹ thuật trong hệ thống y tế và phù hợp hướng dẫn quốc gia	III
<b>2.4</b>	<b>Các kỹ năng nghề nghiệp</b>	
2.4.1	Có kỹ năng chăm sóc thích hợp cho bà mẹ và trẻ sơ sinh và gia đình họ phù hợp với yếu tố văn hóa của cộng đồng	IV

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
2.4.2	Thực hiện được chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ trước khi mang thai để nâng cao sức khỏe gia đình, năng lực chuẩn bị làm mẹ và thực hiện kế hoạch hóa gia đình phù hợp	IV
2.4.3	Thực hiện được chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén bình thường và có nguy cơ, dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí và chuyển tuyến kịp thời	IV
2.4.4	Thực hiện được chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao, xử trí và cấp cứu được một số tình huống đảm bảo bà mẹ và trẻ sơ sinh có sức khỏe tốt nhất	IV
2.4.5	Thực hiện được chăm sóc bà mẹ sau đẻ toàn diện phù hợp với văn hóa	IV
2.4.6	Thực hiện được chăm sóc trẻ thời kỳ sơ sinh và tư vấn được tiêm chủng cho trẻ nhũ nhi	IV
2.4.7	Thực hiện chăm sóc được cho phụ nữ muốn kết thúc thai kỳ hoặc những phụ nữ bị sảy thai theo quy định của luật pháp và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản	IV
2.4.8.	Ứng dụng được các nguyên tắc giao tiếp với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và đồng nghiệp trong chăm sóc bệnh hàng ngày, khi xảy ra xung đột và trong các tình huống cấp cứu	IV
<b>3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>3.1</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm cá nhân</b>	
3.1.1	Thực hiện tuân thủ theo chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	III
3.1.2	Tôn trọng giá trị quyền con người của phụ nữ, trẻ em và đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp	III
3.1.3	Năng lực tự học, làm việc độc lập hoặc khả năng làm việc nhóm trong công việc hàng ngày hoặc khi có tình huống cấp cứu	III
<b>3.2</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp</b>	
3.2.1	Năng lực tự chủ thực hiện và chịu trách nhiệm các quyết định thực hành lâm sàng	IV
3.2.2	Chịu trách nhiệm với những kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp	III
3.2.2	Năng lực thực hiện nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên tục trong nghề nghiệp thông qua các hoạt động nghiên cứu, các chương trình đào tạo	III
3.2.3	Có năng lực quản lý, vận hành các nguồn lực y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh bảo đảm các nguồn lực sử dụng đúng mục đích, an toàn.	III
<b>3.3</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm với xã hội</b>	

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
3.3.1	Có năng lực hiểu biết/có kiến thức về cộng đồng và các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng	III
3.3.2	Có năng lực trong nhận thức sử dụng các chiến lược nâng cao sức khỏe, chẩn đoán cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp	III
3.3.3	Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho gia đình, xã hội và cộng đồng.	III

## **2. Trình độ năng lực**

<b>Nhóm</b>	<b>Trình độ năng lực</b>	<b>Mô tả</b>
1. Nhớ	0.0 – 2.0 (I)	Có khả năng tìm kiếm và ghi nhớ
2. Hiểu	2.0 – 3.0 (II)	Có hiểu biết/ có thể tham gia
3. Vận dụng	3.0 – 3.5 (III)	Có khả năng vận dụng
4. Phân tích	3.5 – 4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Đánh giá	4.0 – 4.5 (V)	Có khả năng đánh giá
6. Sáng tạo	4.5 – 5.0 (VI)	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy**

## **CHUẨN ĐẦU RA CÔNG BỐ CÔNG KHAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 115a/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 01 năm 2020 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y dược, Đại học Huế)*

### **A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt): Hộ sinh
2. Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh): Midwifery
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Mã ngành đào tạo: 7720302
5. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã dự thi xong kỳ thi THPT quốc gia: có kết quả thi và giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc tương đương).
6. Thời gian đào tạo: 4 năm
7. Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
8. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu: 132 (chưa tính GDTC, GDQP)

### **B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **I. Mục tiêu đào tạo**

##### **1. Mục tiêu chung**

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên ngành hộ sinh có thể hiểu và giải thích được những mối liên quan giữa xã hội, văn hóa, sức khỏe cộng đồng trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh; có kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ: trước khi mang thai, trong thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ và sinh đẻ và trong thời gian hậu sản; có kiến thức, kỹ năng chăm sóc và tư vấn cho phụ nữ thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức
  - Có kiến thức chung trong toàn Đại học Huế về Giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.
  - Có kiến thức nền tảng của khối kiến thức giáo dục Chuyên nghiệp về khoa học cơ bản, y học cơ sở, tâm lý y học- đạo đức y học, Pháp luật – Tổ chức y tế, sức khỏe môi trường để có thể ứng dụng trong chuyên ngành Hộ sinh.
  - Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.
- Kỹ năng
  - Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.
  - Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.

- Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.
- Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của phụ nữ, đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp.
- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp về các quyết định thực hành lâm sàng cũng như những kết quả có liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp của mình.
- Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ và gia đình họ.

## **II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu**

### a) Kiến thức

- Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế

+ Kiến thức về giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lenin, Kinh tế chính trị Mác-Lenin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp.

+ Kiến thức về Quốc phòng – An ninh: có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng-an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Kiến thức về giáo dục thể chất: Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

+ Kiến thức về Công nghệ thông tin: Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo

+ Kiến thức về thống kê, tin học

+ Kiến thức về vật lý-lý sinh, hóa học.

+ Kiến thức về sinh học, di truyền.

+ Kiến thức về tiếng anh chuyên ngành.

- Kiến thức chung cho nhóm ngành

+ Kiến thức về y học cơ sở.

+ Kiến thức về y tế công cộng.

+ Kiến thức về điều dưỡng cơ sở.

+ Kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Kiến thức ngành/ chuyên ngành và bổ trợ

+ Có kiến thức trong lĩnh vực quản lý hộ sinh, đánh giá và phát triển nghề nghiệp.



- + Có kiến thức trong lĩnh vực sản khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng, đạo đức nghề nghiệp tư vấn, chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa cộng đồng.
- + Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai và kế hoạch hóa gia đình.
- + Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén.
- + Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ.
- + Có kiến thức trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ.
- + Có kiến thức trong chăm sóc trẻ thời kỳ sơ sinh.
- + Có kiến thức trong chăm sóc phụ nữ phá thai.
- + Có kiến thức cơ bản trong nghiên cứu khoa học trong quá trình thực hành chuyên môn.
- + Có kiến thức trong lĩnh vực giao tiếp, cộng tác hiệu quả với đồng nghiệp và bệnh nhân, gia đình bệnh nhân trong phạm vi thực hành nghề nghiệp.
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp
- + Kiến thức về thực tập nghề nghiệp.
- + Kiến thức về thực tập cuối khóa.

#### b) Kỹ năng

- Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
- + Có khả năng tự lập luận tư duy giải quyết vấn đề trong công việc hàng ngày và trong những tình huống nguy cơ khi thực hiện chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em theo các chuẩn năng lực Bộ y tế quy định.
- + Khả năng giải quyết vấn đề phù hợp với nhu cầu cá nhân, các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng.
- + Khả năng lập luận, giải quyết vấn đề tuân thủ theo quy định của luật pháp, và các hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em trong và ngoài thời kỳ thai nghén.
- + Thực hiện được công việc hiệu quả, phù hợp với nguồn lực địa phương.
- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức
- + Có khả năng phát triển bản thân liên tục thông qua tự học và phản hồi.
- + Có khả năng tư duy một cách khoa học, hiểu và thực hiện các nghiên cứu khoa học.
- + Cơ bản trong lĩnh vực hộ sinh.
- + Có khả năng diễn giải các thông tin từ bảng dữ liệu khoa học và biết cách phân tích, thiết kế các nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên môn.
- + Có khả năng viết một biên bản chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Kỹ năng tư duy hệ thống
- + Tích hợp được kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để có thể ứng dụng trong thực hành chuyên môn.
- + Xác định được mối liên hệ chuyên ngành với hệ thống các ngành y học khác để có thể phối hợp các chuyên khoa trong xử trí một số vấn đề bất thường của bà mẹ trong thời kỳ mang thai theo đúng quy định và nguồn lực địa phương.
- + Thực hiện được chẩn đoán, can thiệp sớm hoặc chuyển tuyến đúng lúc, phù hợp phân tuyến kỹ thuật trong hệ thống y tế và phù hợp hướng dẫn quốc gia.
- Các kỹ năng nghề nghiệp
- + Có kỹ năng chăm sóc thích hợp cho bà mẹ và trẻ sơ sinh và gia đình họ phù hợp với yếu tố văn hóa của cộng đồng.

- + Thực hiện được chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ trước khi mang thai để nâng cao sức khỏe gia đình, năng lực chuẩn bị làm mẹ và thực hiện kế hoạch hóa gia đình phù hợp.
- + Thực hiện được chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén bình thường và có nguy cơ, dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí và chuyển tuyến kịp thời.
- + Thực hiện được chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao, xử trí và cấp cứu được một số tình huống đảm bảo bà mẹ và trẻ sơ sinh có sức khỏe tốt nhất.
- + Thực hiện được chăm sóc bà mẹ sau đẻ toàn diện phù hợp với văn hóa.
- + Thực hiện được chăm sóc trẻ thời kỳ sơ sinh và tư vấn được tiêm chủng cho trẻ nhũ nhi.
- + Thực hiện chăm sóc được cho phụ nữ muốn kết thúc thai kỳ hoặc những phụ nữ bị sảy thai theo quy định của luật pháp và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Ứng dụng được các nguyên tắc giao tiếp với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và đồng nghiệp trong chăm sóc bệnh hàng ngày, khi xảy ra xung đột và trong các tình huống cấp cứu.

#### c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự chủ và trách nhiệm cá nhân
- + Thực hiện tuân thủ theo chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
- + Tôn trọng giá trị quyền con người của phụ nữ, trẻ em và đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp.
- + Năng lực tự học, làm việc độc lập hoặc khả năng làm việc nhóm trong công việc hàng ngày hoặc khi có tình huống cấp cứu.
- Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp
- + Năng lực tự chủ thực hiện và chịu trách nhiệm các quyết định thực hành lâm sàng.
- + Chịu trách nhiệm với những kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp.
- + Năng lực thực hiện nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên tục trong nghề nghiệp thông qua các hoạt động nghiên cứu, các chương trình đào tạo.
- + Có năng lực quản lý, vận hành các nguồn lực y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh bảo đảm các nguồn lực sử dụng đúng mục đích, an toàn.
- Tự chủ và trách nhiệm với xã hội
- + Có năng lực hiểu biết/có kiến thức về cộng đồng và các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng.
- + Có năng lực trong nhận thức sử dụng các chiến lược nâng cao sức khỏe, chẩn đoán cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp.
- + Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho gia đình, xã hội và cộng đồng.

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy**